TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 05/2018/HNGĐ - ST
Ngày 23- 3- 2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tiến.

2. Ông Nguyễn Quang Thái.

- ***Thư ký phiên toà****:* Bà Nguyễn Phương Nhật Mai- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc*** *tham gia phiên tòa:* Ông Lê Xuân Thắng- Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 220/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 8 năm 2017 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Thuỷ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh Q kết hôn ngày 05 tháng 01 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu; sau khi kết hôn chị và anh Q về ở cùng gia đình chồng ở thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ tháng 8 năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay, nguyên nhân là do anh Q không quan tâm chăm sóc vợ con,anh chị

thường xuyên cãi chửi nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011, hiện nay cháu N đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải Q.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh Q: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập anh Q rất nhiều lần; anh Q đã trực tiếp nhận đầy đủ những giấy tờ trên, nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn anh Q.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H cho biết: Anh Nguyễn Minh Q và chị Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 05 tháng 11 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Q chị T chung sống cùng bố mẹ anh Q ở thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, địa phương thấy vợ chồng anh chị sống hòa thuận, khoảng vài năm gần đây vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau; đến tháng 8 năm 2017 vợ chồng anh Q không sống cùng nhau nữa, địa phương được biết là chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở tổ dân phố T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để sinh sống.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án; cho chị Nguyễn Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Minh Q. Giao cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thanh T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Minh Q và đề nghị xin được nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Q hiện đang cư trú tại thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Nguyễn Minh Q đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn là chị Nguyễn Thanh T khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc anh Q cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 30 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B và lời khai của chị Nguyễn Thanh T thể hiện chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Minh Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B ngày 05 tháng 01 năm 2011, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà chị T đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh Q không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q, nếu Toà án không cho chị ly hôn với anh Q chị cũng không thể về đoàn tụ với anh Q được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập, nhưng anh Q vẫn không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm của mình. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh Q không thể tiếp tục vì anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình theo qui định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời tại Đơn xin ly hôn chị T và anh Q cùng ký (Bút lục 05) đã thể hiện chị T và anh Q đều đồng ý thống nhất ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh Q có một con chung là cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011, hiện nay cháu N đang ở với chị. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa chị T xin được nuôi cháu và chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt, do vậy cần giao cháu N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T vì chị T không yêu cầu nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, anh Q vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của

pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Minh Q.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002343 ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên; chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền